

Thông tin về cơ sở vật chất

Diện tích đất		Số lượng (m2)				
Tổng diện tích khuôn viên đất		3047				
Trong đó: Diện tích đất được cấp						
Diện tích đất đi thuê (mượn)						
Diện tích đất sân chơi, bãi tập		1706				
Phòng	Trên cấp 4		Cấp 4		Tạm	
	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)
- Phòng học văn hoá			25	1366		
Trong đó:						
+ Số phòng học đủ DTích và BGhế phù hợp tổ chức học nhóm			25	1321		
+ Số phòng học đủ diện tích cho việc bố trí các nhóm học tập						
+ Số phòng học có đủ bàn ghế phù hợp cho việc tổ chức học nhóm						
- Phòng học tin học			1	32		
- Phòng học ngoại ngữ			1	50		
- Phòng giáo dục thể chất (đa năng)						
- Hội trường						
- Phòng giáo dục nghệ thuật						
- Phòng giáo dục mỹ thuật						
- Phòng giáo dục âm nhạc						
- Phòng Thư viện			1	18		
- Phòng thiết bị giáo dục						
- Phòng truyền thống và hoạt động Đội						
- Phòng hỗ trợ học sinh khuyết tật						
- Phòng y tế học đường					1	18
- Phòng hiệu trưởng			1	18		
- Phòng phó hiệu trưởng			1	18		
- Phòng giáo viên						
- Phòng họp giáo viên (hội đồng)						
- Văn phòng			1	18		
- Phòng thường trực - Bảo vệ			2	15		
- Nhà công vụ giáo viên						
- Phòng kho lưu trữ						
- Phòng khác						
- Nhà bếp						
- Phòng ăn (HS)						
- Phòng nghỉ (HS)						
Nhà vệ sinh	Dùng cho GV Nam		Dùng cho GV nữ		Dùng cho HS nam	
	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)	Số lượng	Diện tích (m2)
Đạt chuẩn vệ sinh (*)	2	18	3	20	2	28
Chưa đạt chuẩn vệ sinh						
Không có	0		0		0	

Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		Số bộ/lớp
(đơn vị tính : bộ)		
Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		Số bộ/lớp
(đơn vị tính : bộ)		
Khối lớp 1	5	5/5
Khối lớp 2	3	3/5
Khối lớp 3	3	3/5
Khối lớp 4	4	4/6
Khối lớp 5	4	4/6
Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
Khối lớp 1	0	0
Khối lớp 2	2	2/5
Khối lớp 3	3	3/6
Khối lớp 4	2	2/6
Khối lớp 5	2	2/6
Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính : bộ)		Số học sinh/bộ
Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
Ti vi	1	
Cát xét	0	
Đầu video/đầu đĩa	0	
Máy chiếu	25	
OverHead/projector/vật thể		
Thiết bị khác....	2	
Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		
Kết nối internet	x	
Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
Tường rào xây	x	

BT, ngàytháng 6 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên và đóng dấu)